

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng
Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép đầu tư số	197/GP-KCN-ĐN	ngày 24 tháng 1 năm 2003
	197/GPĐC1-KCN-ĐN	ngày 21 tháng 5 năm 2005
	197/GPĐC2-KCN-ĐN	ngày 26 tháng 4 năm 2006
	197/GCND3-KCN-ĐN	ngày 29 tháng 8 năm 2006

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy phép đầu tư số 197/GCND3-KCN-ĐN ngày 29 tháng 8 năm 2006. Giấy phép đầu tư và các bản điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày được cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận đầu tư số	472033000720	ngày 17 tháng 12 năm 2008
----------------------------------	--------------	---------------------------

Giấy chứng nhận đầu tư do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	3600618918	ngày 31 tháng 8 năm 2015
--	------------	--------------------------

Hội đồng Quản trị	Phạm Phú Ngọc Trai	Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Dương Thanh	Chủ tịch (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)
		Thành viên (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Yew Kean Lai	Phó Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
		Thành viên (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Thân Trung Tín	Phó Chủ tịch (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch (đến ngày 23 tháng 4 năm 2015) và từ ngày 3 tháng 8 năm 2015)
	Nguyễn Phúc Hào	Thành viên
	Phan Hữu Giáo	Thành viên (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)
Danny Lê	Thành viên (từ ngày 23 tháng 4 năm 2015)	

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

Ban Giám đốc	Phạm Trung Lâm	Tổng Giám đốc (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014 đến ngày 23 tháng 4 năm 2015 và từ ngày 3 tháng 8 năm 2015)
	Phạm Phú Ngọc Trai	Tổng Giám đốc (từ ngày 23 tháng 4 năm 2015 đến ngày 3 tháng 8 năm 2015)
	Ernest Vijyakumar Richards	Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
Ban Kiểm soát	Lê Phạm Minh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Cheong Yew Hoong	Thành viên (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Nguyễn Duy Phương	Thành viên (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
Trụ sở đăng ký	Lô A4, Đường số 2 Khu Công nghiệp Sông Mây Huyện Trảng Bom Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Tỉnh Đồng Nai, ngày 7 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (0) 3821 9268
Fax +84 (0) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế ("Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-428



Nguyễn Văn Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (Đã phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.139.152.887.229	2.433.177.485.830
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.176.385.065.556	579.337.256.852
Tiền	111		48.085.065.556	166.437.256.852
Các khoản tương đương tiền	112		1.128.300.000.000	412.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	848.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	848.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.087.191.099.159	276.683.517.344
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	273.342.850.207	156.200.515.835
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.841.300.564	99.667.696.395
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	730.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	63.471.216.840	21.672.238.965
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.464.268.452)	(856.933.851)
Hàng tồn kho	140	9	859.550.668.671	709.309.475.499
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.026.053.843	19.847.236.135
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	8.467.936.611	6.818.700.938
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.308.329.578	12.355.025.736
Thuế phải thu Nhà nước	153	16	3.151.281.972	673.509.461
Tài sản ngắn hạn khác	155		98.505.682	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		662.429.452.265	392.226.074.663
Tài sản cố định	220		456.788.590.366	241.132.473.563
Tài sản cố định hữu hình	221	10	456.788.590.366	241.132.473.563
Nguyên giá	222		637.624.899.816	383.308.220.966
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(180.836.309.450)	(142.175.747.403)
Tài sản dở dang dài hạn	240		43.761.702.905	38.458.558.653
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	43.761.702.905	38.458.558.653
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	4.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	4.000.000.000

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (Đã phân loại lại)
Tài sản dài hạn khác	260		161.879.158.994	108.635.042.447
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	116.898.659.739	74.425.607.480
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	44.980.499.255	34.209.434.967
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.801.582.339.494	2.825.403.560.493
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.205.457.075.983	767.798.129.619
Nợ ngắn hạn	310		1.159.282.136.067	702.103.899.692
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	360.500.382.099	309.687.454.983
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.773.746.740	5.392.835.253
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	62.805.998.490	47.820.618.423
Phải trả người lao động	314		86.048.846.556	27.661.729.872
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	446.701.013.322	308.578.167.456
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	16.628.295.260	2.955.978.999
Vay ngắn hạn	320	18	177.816.738.894	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		7.114.706	7.114.706
Nợ dài hạn	330		46.174.939.916	65.694.229.927
Chi phí phải trả dài hạn	333	16	46.174.939.916	65.694.229.927
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.596.125.263.511	2.057.605.430.874
Vốn chủ sở hữu	410	19	2.596.125.263.511	2.057.605.430.874
Vốn cổ phần	411	20	200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		944.868.793	944.868.793
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		944.868.793	944.868.793
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.394.235.525.925	1.855.715.693.288
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.625.715.693.288	1.323.510.806.878
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		768.519.832.637	532.204.886.410
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.801.582.339.494	2.825.403.560.493

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là hồ sơ thành lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND (Đã phân loại lại)
Doanh thu bán hàng	01	23	6.953.471.407.181	5.376.547.262.282
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	558.805.456.854	470.880.523.970
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	23	6.394.665.950.327	4.905.666.738.312
Giá vốn hàng bán	11	24	5.025.909.862.382	4.138.735.383.086
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.368.756.087.945	766.931.355.226
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	95.620.525.038	67.071.779.815
Chi phí tài chính	22	26	10.688.970.717	128.089.982
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>8.741.526.521</i>	-
Chi phí bán hàng	25	27	414.684.559.803	151.023.842.795
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	119.613.645.218	121.308.375.275
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		919.389.437.245	561.542.826.989
Thu nhập khác	31	29	5.049.370.961	106.787.421.432
Chi phí khác	32	30	3.213.887.303	42.756.729.887
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.835.483.658	64.030.691.545

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND (Đã phân loại lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		921.224.920.903	625.573.518.534
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	163.476.152.554	103.919.421.717
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(10.771.064.288)	(10.550.789.593)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		768.519.832.637	532.204.886.410
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	38.426	26.610

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		921.224.920.903	625.573.518.534
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		39.160.410.535	30.854.458.365
Các khoản dự phòng	03		3.607.334.601	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.904.496.954	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(94.756.011.442)	(67.981.494.101)
Chi phí lãi vay	06		8.741.526.521	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		879.882.678.072	588.446.482.798
Biến động các khoản phải thu	09		(20.379.464.313)	87.537.190.214
Biến động hàng tồn kho	10		(150.241.193.172)	(44.135.409.414)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		236.382.048.703	116.020.862.844
Biến động chi phí trả trước	12		(44.122.287.932)	(1.239.916.254)
			901.521.781.358	746.629.210.188
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.641.915.559)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(142.021.244.263)	(117.980.169.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		750.858.621.536	628.649.040.478

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(276.513.237.117)	(14.613.382.866)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		136.363.636	3.488.236.545
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	23		(730.000.000.000)	-
Tiền thu hồi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thuần	24		848.000.000.000	-
Tiền chi cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thuần	25		-	(848.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.000.000.000	5.140.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		52.748.179.195	51.927.274.914
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(101.628.694.286)	(802.057.871.407)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		1.128.034.500.468	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(950.217.761.574)	-
Tiền trả cổ tức	36		(230.000.000.000)	(164.350.582.854)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(52.183.261.106)	(164.350.582.854)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		597.046.666.144	(337.759.413.783)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		579.337.256.852	917.096.670.635
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		1.142.560	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	1.176.385.065.556	579.337.256.852

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Trụ sở chính của Công ty (“Trụ sở chính”) đặt tại Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Máy, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Công ty được phép thành lập Chi nhánh tại tỉnh Hà Nam theo giấy chứng nhận đầu tư số 06212000062 ngày 18 tháng 1 năm 2006 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp (“Chi nhánh”).

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Cơ cấu của Tập đoàn như sau:

Tên đơn vị	Ngày thành lập	Vốn điều lệ Triệu VND	Hoạt động chính	Vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	
				31/12/2015	1/1/2015
<i>Công ty con</i> Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (“ANI Vĩnh Long”)	26/5/2006	96.000	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chế biến tôm, cá, mực; sản xuất, chế biến, kinh doanh khoai mì, bột mì, bắp, tấm, gạo, thực phẩm, ngũ cốc và bột ngũ cốc.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“ANCO Bình Định”)	24/4/2012	37.800	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	100%	100%

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tên đơn vị	Ngày thành lập	Vốn điều lệ Triệu VND	Hoạt động chính	Vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	
				31/12/2015	1/1/2015
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên ("ANCO Thái Nguyên")	27/4/2012	25.830	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang ("ANCO Tiền Giang")	22/4/2013	22.302	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	100%	100%
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An ("ANCO Nghệ An")	3/3/2015	64.000	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	100%	0%
Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang ("ANCO Hậu Giang")	3/4/2015	30.000	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	100%	0%

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 1081 nhân viên (1/1/2015: 837 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 6 công ty con (1/1/2015: 4 công ty con) được liệt kê trong thuyết minh số 1(h).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202"). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh số 4(b));
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh số 4(r)).

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(iii) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	3 - 5 năm

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 45 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các cổ đông và công ty mẹ cấp cao nhất này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	86.423.358	181.919.900
Tiền gửi ngân hàng	47.864.542.198	165.561.336.952
Tiền đang chuyển	134.100.000	694.000.000
Các khoản tương đương tiền	1.128.300.000.000	412.900.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	1.176.385.065.556	579.337.256.852

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng – ngắn hạn

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đại lý Tân Tài Lộc – Sóc Trăng	11.699.873.670	63.821
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc – Chi nhánh Hải Phòng	6.331.494.000	-
Đại lý Tấn Lực – Bến Tre	4.932.645.229	980.645.233
Đại lý Thanh Tuyên – Hậu Giang	4.775.548.961	1.530.977.049
Đại lý Nguyễn Thị Huệ – Bến Tre	4.694.574.901	1.153.737.678
Các khách hàng khác	240.908.713.446	152.535.092.054
	273.342.850.207	156.200.515.835

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	3.513.248.000	-
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc – Chi nhánh Hải Phòng	6.331.494.000	-

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh khoản cho vay không được đảm bảo bằng VND cho Công ty TNHH Kenji, một bên liên quan. Khoản vay này hưởng lãi suất năm là 8%. Khoản vay gốc và lãi được thu toàn bộ vào ngày 6 tháng 1 năm 2016.

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2016, Công ty đã đồng ý với Công ty TNHH Kenji về việc tái cơ cấu khoản vay gốc và lãi lũy kế phải trả tại ngày 6 tháng 1 năm 2016 thành một khoản cho vay mới. Ngày đáo hạn của toàn bộ khoản cho vay mới này là vào ngày 6 tháng 1 năm 2018.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	839.020.500	15.603.764.013
Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH Kenji, một bên liên quan	57.600.000.001	-
Các khoản tạm ứng	3.680.070.243	4.346.742.779
Cho các bên liên quan mượn nguyên vật liệu và các khoản khác	463.665.000	-
Ký quỹ ngắn hạn	629.122.330	469.815.000
Các khoản khác	259.338.766	1.251.917.173
	<hr/>	
	63.471.216.840	21.672.238.965
	<hr/>	

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	359.001.316.653	258.405.480.822
Nguyên vật liệu	398.680.673.419	365.924.224.165
Công cụ và dụng cụ	26.499.406.653	18.084.441.356
Thành phẩm	75.369.271.946	66.657.324.946
Hàng hóa	-	238.004.210
	<hr/>	
	859.550.668.671	709.309.475.499
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

0. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	160.940.182.814	163.420.409.356	55.819.748.945	3.127.879.851	383.308.220.966
Tăng trong năm	81.585.336.645	60.965.436.269	7.467.100.000	14.665.915.157	164.683.788.071
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	65.714.968.214	21.041.704.751	-	4.339.854.179	91.096.527.144
Thanh lý	-	(1.463.636.365)	-	-	(1.463.636.365)
Phân loại lại	(176.962.652)	197.187.760	-	(20.225.108)	-
Số dư cuối năm	308.063.525.021	244.161.101.771	63.286.848.945	22.113.424.079	637.624.899.816
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52.315.355.519	62.982.295.907	24.475.128.335	2.402.967.642	142.175.747.403
Khấu hao trong năm	14.809.562.707	15.488.803.673	7.215.890.348	1.646.153.807	39.160.410.535
Thanh lý	-	(499.848.488)	-	-	(499.848.488)
Phân loại lại	(176.962.652)	198.055.761	-	(21.073.109)	-
Số dư cuối năm	66.947.955.574	78.169.286.853	31.691.018.683	4.028.048.340	180.836.309.450
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	108.624.827.295	100.438.113.449	31.344.620.610	724.912.209	241.132.473.563
Số dư cuối năm	241.115.569.447	165.991.814.918	31.595.830.262	18.085.375.739	456.788.590.366

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 24.398 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 21.030 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	38.458.558.653	81.772.725
Tăng trong năm	96.399.671.396	1.751.290.139
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(91.096.527.144)	(1.661.536.364)
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	38.287.032.153
	43.761.702.905	38.458.558.653

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án tại:		
▪ ANCO Nghệ An	43.276.457.905	-
▪ ANCO Thái Nguyên	-	35.289.522.613
▪ ANCO Tiền Giang	-	2.747.509.540
▪ ANCO Bình Định	250.000.000	250.000.000
▪ ANCO Hậu Giang	235.245.000	-
▪ Khác	-	171.526.500
	43.761.702.905	38.458.558.653

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí bảo hiểm trả trước	564.344.857	691.849.029
Chi phí thuê trả trước	1.536.126.501	909.630.571
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	5.788.491.474	4.147.515.887
Khác	578.973.779	1.069.705.451
	8.467.936.611	6.818.700.938

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

p) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và đụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	65.425.301.232	5.281.399.258	3.718.906.990	74.425.607.480
Tăng trong năm	37.504.964.000	13.870.729.088	1.765.144.840	53.140.837.928
Phân bổ trong năm	(1.431.874.917)	(7.428.285.591)	(1.807.625.161)	(10.667.785.669)
Số dư cuối năm	101.498.390.315	11.723.842.755	3.676.426.669	116.898.659.739

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ	15%	538.439.719	293.579.868
Các khoản dự phòng phải thu khó đòi	7,5%-22%	151.779.762	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	7,5%-22%	36.229.505.655	23.234.273.355
Chi phí phải trả dài hạn	7,5%-22%	8.060.774.119	10.681.581.744
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		44.980.499.255	34.209.434.967

14. Phải trả người bán – ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Pro-active Synergy Sdn. Bhd.	201.231.269.233	97.500.632.124
Các nhà cung cấp khác	159.269.112.866	212.186.822.859
	360.500.382.099	309.687.454.983

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	9.367.475	-
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc – Chi nhánh Hải Phòng	337.048.656	-

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Chuyển từ thuế phải thu VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.357.086.496	4.010.661.972	(11.450.424.899)	-	1.094.909.074	12.232.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.804.414.084	163.476.152.554	(142.021.244.263)	-	-	60.259.322.375
Thuế thu nhập cá nhân	2.658.757.843	16.170.535.147	(16.294.849.518)	-	-	2.534.443.472
Thuế nhập khẩu	-	52.595.751.804	(53.978.615.241)	(673.509.461)	2.056.372.898	-
Các loại thuế khác	360.000	4.117.632.286	(4.117.992.286)	-	-	-
	47.820.618.423	240.370.733.763	(227.863.126.207)	(673.509.461)	3.151.281.972	62.805.998.490

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả - ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	53.931.731.220	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.080.999.336	927.346.240
Chi phí mua hàng nhưng chưa nhận hóa đơn	3.404.485.247	-
Chi phí lãi vay	99.610.962	-
Chi phí phải trả khác	146.519.134.982	140.970.813.700
	<hr/> 211.035.961.747	<hr/> 141.898.159.940
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	235.665.051.575	166.680.007.516
	<hr/> 446.701.013.322	<hr/> 308.578.167.456

(b) Chi phí phải trả - dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trích trước chiết khấu bán hàng	281.839.991.491	232.374.237.443
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(235.665.051.575)	(166.680.007.516)
	<hr/> 46.174.939.916	<hr/> 65.694.229.927

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Mượn nguyên vật liệu	15.133.764.222	1.548.448.000
Ký quỹ ngắn hạn nhận được	242.040.000	242.040.000
Bảo hiểm xã hội	190.298.140	466.338.792
Kinh phí công đoàn	57.707.250	39.653.220
Khác	1.004.485.648	659.498.987
	<hr/>	<hr/>
	16.628.295.260	2.955.978.999

(b) Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thực ăn Gia súc	3.650.000	-
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phi thương mại phải trả cho các bên liên quan không đảm bảo, không chịu lãi, và phải hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	1.128.034.500.468	(950.217.761.574)	177.816.738.894	177.816.738.894

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	VND	4,8%-5,0%	177.816.738.894	-
			<u>177.816.738.894</u>	<u>-</u>

Choán vay này có hạn mức tối đa là 900 tỷ VND, không có đảm bảo và phải hoàn trả trong vòng từ một đến ba tháng kể từ ngày giải ngân.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.323.510.806.878	1.525.400.544.464
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	532.204.886.410	532.204.886.410
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.855.715.693.288	2.057.605.430.874
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	768.519.832.637	768.519.832.637
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(230.000.000.000)	(230.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	2.394.235.525.925	2.596.125.263.511

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

21. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông Công ty vào ngày 2 tháng 1 năm 2015 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 230 tỷ VND (11.500 VND trên một cổ phiếu) (2014: không có).

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	4.508.553.334	4.536.660.105
Trong vòng hai đến năm năm	18.088.104.196	15.655.307.913
Sau năm năm	135.534.464.563	117.155.336.501
	158.131.122.093	137.347.304.519

(b) Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	96.780 USD	2.167.604.029	273.819 USD	5.795.254.326

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	329.401.543.300	252.631.579.949
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	47.625.871.551	69.323.184.789
	377.027.414.851	321.954.764.738

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND (Đã phân loại lại)
Tổng doanh thu	6.953.471.407.181	5.376.547.262.282
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(558.452.905.104)	(466.636.591.554)
▪ Hàng bán bị trả lại	(352.551.750)	(4.243.932.416)
	(558.805.456.854)	(470.880.523.970)
Doanh thu thuần	6.394.665.950.327	4.905.666.738.312

24. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Thành phẩm đã bán	4.822.189.101.967	4.066.221.444.240
Hàng hóa đã bán	134.280.779.599	13.505.805.445
Nguyên vật liệu đã bán	69.439.980.816	59.008.133.401
	5.025.909.862.382	4.138.735.383.086

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	95.583.435.683	67.059.426.427
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.370.351	12.353.388
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.719.004	-
	<hr/> 95.620.525.038	<hr/> 67.071.779.815

26. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	8.741.526.521	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.944.110.656	128.089.982
Chi phí tài chính khác	3.333.540	-
	<hr/> 10.688.970.717	<hr/> 128.089.982

27. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND (Đã phân loại lại)
Chi phí nhân viên	178.608.286.249	82.606.356.075
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	160.477.917.835	19.138.143.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.668.057.694	27.072.664.559
Chi phí khấu hao	3.560.375.212	2.639.841.024
Chi phí công cụ và dụng cụ	8.918.496.447	2.337.417.168
Chi phí bán hàng khác	17.451.426.366	17.229.420.772
	<hr/> 414.684.559.803	<hr/> 151.023.842.795

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	78.819.869.807	44.688.866.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.498.478.511	59.794.089.984
Chi phí công cụ và dụng cụ	4.424.373.136	1.090.966.029
Chi phí khấu hao	2.976.543.820	2.545.614.167
Chi phí thuế, phí và lệ phí	805.771.785	181.829.260
Chi phí khác	14.088.608.159	13.007.009.376
	<hr/>	<hr/>
	119.613.645.218	121.308.375.275
	<hr/>	<hr/>

29. Thu nhập khác

	2015	2014
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Lãi từ bán phế liệu	2.546.102.970	821.293.017
Tiền bồi thường nhận được	474.460.400	99.423.701.084
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	922.067.674
Thu nhập khác	2.028.807.591	5.620.359.657
	<hr/>	<hr/>
	5.049.370.961	106.787.421.432
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí khác

	2015	2014
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	827.424.241	-
Các khoản chi phí liên quan đến thuế	-	34.272.764.530
Chi phí tài trợ và từ thiện	-	6.030.826.000
Chi phí khác	2.386.463.062	2.453.139.357
	<hr/>	
	3.213.887.303	42.756.729.887
	<hr/>	

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	4.843.203.924.634	4.011.103.284.708
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	134.280.779.599	13.505.805.445
Chi phí nhân công và nhân viên	324.533.747.848	181.460.012.541
Chi phí khấu hao	39.160.410.535	30.854.458.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.730.187.048	163.839.337.973
Chi phí khác	155.821.520.111	51.592.167.954
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	163.476.152.554	91.443.777.887
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	12.475.643.830
	<hr/> 163.476.152.554	<hr/> 103.919.421.717
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(10.771.064.288)	(10.550.789.593)
	<hr/> 152.705.088.266	<hr/> 93.368.632.124

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	921.224.920.903	625.573.518.534
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	138.183.738.135	93.836.027.780
Ảnh hưởng của mức thuế suất cao hơn áp dụng cho các công ty con	21.435.265.096	13.859.352.842
Ảnh hưởng của mức thuế suất cao hơn áp dụng cho các hoạt động khác	4.662.866.305	27.369.160.627
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời	692.637.012	242.923.926
Chi phí không được khấu trừ thuế	432.920.010	7.270.649.897
Thu nhập được miễn thuế	(15.325.782.179)	(14.687.627.864)
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(628.005.118)	-
Ưu đãi thuế	-	(46.997.498.914)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	12.475.643.830
Ảnh hưởng của tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.251.449.005	-
	<hr/> 152.705.088.266	<hr/> 93.368.632.124

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính

Theo các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư của Trụ sở chính, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong toàn bộ thời gian dự án đối với phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh chế biến thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản. Tuy nhiên, các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Trụ sở chính được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016.

Chi nhánh Hà Nam (“Chi nhánh”)

Theo các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư của Chi nhánh, Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016.

ANI Vĩnh Long

Theo các quy định hiện hành về thuế, ANI Vĩnh Long có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2006 đến năm 2015). ANI Vĩnh Long cũng được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2009) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2014). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016.

ANCO Thái Nguyên

Theo Công văn số 218/CV-BQL ngày 9 tháng 5 năm 2012 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên và theo các quy định hiện hành về thuế, ANCO Thái Nguyên có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế. Theo Công văn này, ANCO Thái Nguyên được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác và các hoạt động không được hưởng ưu đãi, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016.

Năm hoạt động đầu tiên của ANCO Thái Nguyên có lợi nhuận chịu thuế là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, tuy nhiên thời gian hoạt động sản xuất và kinh doanh dưới 12 tháng. Do đó, ANCO Thái Nguyên đã đăng ký với Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên năm hoạt động kinh doanh đầu tiên được hưởng ưu đãi là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

ANCO Tiền Giang

Theo giấy chứng nhận đầu tư của ANCO Tiền Giang, ANCO Tiền Giang có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu. Giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép ANCO Tiền Giang được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016.

Năm hoạt động đầu tiên của ANCO Tiền Giang có lợi nhuận chịu thuế là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, tuy nhiên thời gian hoạt động sản xuất và kinh doanh dưới 12 tháng. Do đó, ANCO Tiền Giang đã đăng ký với Cục Thuế tỉnh Tiền Giang năm hoạt động kinh doanh đầu tiên được hưởng ưu đãi là năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

ANCO Bình Định

Theo giấy chứng nhận đầu tư của ANCO Bình Định, ANCO Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép ANCO Bình Định được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016.

ANCO Hậu Giang

Theo giấy chứng nhận đầu tư của ANCO Hậu Giang, ANCO Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu chịu thuế. Các điều khoản của Giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép ANCO Hậu Giang được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 768.519.832.637 VND (2014: 532.204.886.410 VND và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 20.000.000 cổ phiếu (2014: 20.000.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	768.519.832.637	532.204.886.410

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	20.000.000	20.000.000

34. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (Đã phân loại lại)
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	47.864.542.198	165.561.336.952
Tiền đang chuyển	(ii)	134.100.000	694.000.000
Các khoản tương đương tiền	(ii)	1.128.300.000.000	412.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(ii)	-	848.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(iii)	268.878.581.755	155.343.581.984
Phải thu ngắn hạn khác	(iii)	63.471.216.840	21.672.238.965
Phải thu về cho vay ngắn hạn	(iv)	730.000.000.000	-
		2.238.648.440.793	1.604.171.157.901

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này bao gồm hạn mức cứng từ 10 triệu VND đến 40 triệu VND và hạn mức mềm được tính tương đương 30% đến 40% doanh số mua hàng của tháng liền trước. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá hạn mức này được yêu cầu phải thanh toán số dư này hoặc được sự bảo lãnh của Quản lý bán hàng vùng trong hạn mức bảo lãnh của họ trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm. Tập đoàn nắm giữ tài sản đảm bảo từ các khách hàng là giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất hoặc xe có giá trị để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của một số khách hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác chưa vượt quá hạn mức tín dụng hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các khách hàng có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	856.933.851	856.933.851
Tăng dự phòng trong năm	3.607.334.601	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.464.268.452	856.933.851
	<hr/>	<hr/>
Dự phòng nợ khó đòi - ngắn hạn	4.464.268.452	856.933.851

(iv) Phải thu về cho vay ngắn hạn

Tập đoàn hạn chế ảnh hưởng rủi ro tín dụng bằng cách cho vay đối với công ty liên quan thỏa mãn một số điều kiện nhất định và sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	360.500.382.099	360.500.382.099	360.500.382.099	-
Phải trả người lao động	86.048.846.556	86.048.846.556	86.048.846.556	-
Phải trả ngắn hạn khác	16.628.295.260	16.628.295.260	16.628.295.260	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	306.543.577.680	306.543.577.680	306.543.577.680	-
Chi phí phải trả dài hạn	46.174.939.916	46.174.939.916	-	46.174.939.916
Vay ngắn hạn	177.816.738.894	179.954.993.628	179.954.993.628	-
	993.712.780.405	995.851.035.139	949.676.095.223	46.174.939.916

10/1 15 30 168

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2015

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	309.687.454.983	309.687.454.983	309.687.454.983	-
Phải trả người lao động	27.661.729.872	27.661.729.872	27.661.729.872	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.955.978.999	2.955.978.999	2.955.978.999	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	168.420.731.814	168.420.731.814	168.420.731.814	-
Chi phí phải trả dài hạn	65.694.229.927	65.694.229.927	-	65.694.229.927
	574.420.125.595	574.420.125.595	508.725.895.668	65.694.229.927

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và duy trì hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2015 USD	1/1/2015 USD
Tiền	96.898	273.819
Phải trả người bán ngắn hạn	(8.202.144)	(5.830.816)
	(8.105.246)	(5.556.997)

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
1 USD	22.530	21.380

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
USD (mạnh thêm 1% so với đồng VND)	(1.552.195.135)
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	
USD (mạnh thêm 1% so với đồng VND)	(1.029.686.117)

Biến động ngược lại của tỷ giá đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	1.128.300.000.000	412.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	848.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	730.000.000.000	-
	1.858.300.000.000	1.260.900.000.000
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	47.864.542.198	165.561.336.952
Vay ngắn hạn	(177.816.738.894)	-
	(129.952.196.696)	165.561.336.952

Ảnh hưởng của thay đổi lãi suất thị trường lên lợi nhuận thuần của Tập đoàn là không đáng kể. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.176.385.065.556	(i)	579.337.256.852	(i)
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	268.878.581.755	(i)	155.343.581.984	(i)
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	730.000.000.000	(i)	-	(i)
- Phải thu ngắn hạn khác	63.471.216.840	(i)	21.672.238.965	(i)
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	(i)	848.000.000.000	(i)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(ii)	4.000.000.000	(ii)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán ngắn hạn	(360.500.382.099)	(i)	(309.687.454.983)	(i)
- Phải trả người lao động	(86.048.846.556)	(i)	(27.661.729.872)	(i)
- Phải trả ngắn hạn khác	(16.628.295.260)	(i)	(2.955.978.999)	(i)
- Chi phí phải trả ngắn hạn	(306.543.577.680)	(i)	(168.420.731.814)	(i)
- Chi phí phải trả dài hạn	(46.174.939.916)	(ii)	(65.694.229.927)	(ii)
- Vay ngắn hạn	(177.816.738.894)	(i)	-	(i)

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/TN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

- (i) *Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải trả người bán ngắn hạn, phải trả người lao động, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác và vay ngắn hạn:*

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị hợp lý của chúng do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

- (ii) *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và chi phí phải trả dài hạn:*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Con Cò Bình Định		
Bán thành phẩm	1.341.692.000	-
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc		
Bán thành phẩm	12.668.563.798	-
Mua nguyên vật liệu	3.640.307.650	-
Cho mượn nguyên vật liệu	262.440.000	-
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc – Chi nhánh Hải Phòng		
Bán thành phẩm	13.440.219.500	-
Mua nguyên vật liệu	841.970.513	-
Cho mượn nguyên vật liệu	49.500.000	-
Công ty TNHH Kenji		
Cho vay	730.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	57.600.000.001	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	24.959.551.519	18.629.605.477
Hội đồng Quản trị		
Thù lao	-	2.740.000.000



Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 VND (đã phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Chứng thực bản sao đúng với bản chính Số chứng thực: 3 4 9 4 7		
Phải thu ngắn hạn khác Ngày: 02-12-2016	21.672.238.965	16.855.681.186
Tài sản ngắn hạn khác	-	4.816.557.779
Quyển số: 12 -SCT/BS Văn Phòng Công Chứng Bình Thạnh		

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 VND (đã phân loại lại)	2014 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng	5.376.547.262.282	5.388.871.786.247
Chi phí bán hàng	151.023.842.795	163.348.366.760
Thu nhập khác	06.787.421.432	109.353.590.303
Chi phí khác	06.729.887	45.322.898.758

Ngày 7 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc